BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BẢNG TỔNG KẾT KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM 2011 - 2012 - LẦN CUỐI

(Lấy kết quả điểm thi lần cuối)

Lớp học: Kế toán 1 - K12 **Ngành:** Kế toán **Hệ ĐT:** Cao đẳng chính quy

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Pháp luật đại cương	Kế toán tài chính 1	Kiểm toán	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Kế toán chi phí	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Thuế	Tin học kế toán	Tiếng anh chuyên ngành	Tài chính Doanh nghiệp													ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				2	3	2	6	3	4	1	3	3	3	3	3	4													40				
1	1010130001	Trang Lệ	Anh	5	5	5	6	7	6	6	7	8	6	8	4	6													**5.91**		2	5	TB
2	1010130002	Phạm Tuấn	Anh	5	6	6	6	7	6	7	6	7	6	7	1	8													**5.87**		1	3	TB
3	1010130003	Nguyễn Thị Hồng	Cẩm	6	5	6	7	6	6	9	6	6	6	7	8	5													**5.94**				TB
4	1010130004	Nguyễn Ngọc	Châu	6	6	6	6	6	7	7	7	7	6	6	8	7													**6.32**				TB Khá
5	1010130005	Dương Linh	Chi	6	8	7	7	7	7	6	6	7	6	7	7	7													**6.60**				TB Khá
6	1010130006	Lê Thị Kim	Chi	8	7	7	7	7	9	5	7	8	8	6	8	8													**7.32**				Khá
7	1010130007	Nguyễn Chí	Công	7	5	5	7	7	5	8	6	6	6	3	7	7													**5.87**		1	3	TB
8	1010130009	Nguyễn Minh	Cường	7	5	6	6	7	6	7	6	7	8	8	8	6													**6.45**				TB Khá
9	1010130010	Phan Thị	Danh	6	6	6	6	6	5	8	6	7	6	7	3	7													**5.62**		1	3	TB
10	1010130011	Nguyễn Thị Hồng	Đào	8	8	6	7	7	8	7	6	8	8	9	7	8													**7.27**				Khá
11	1010130012	Bùi Thị	Điểm	8	7	7	7	7	6	8	6	7	7	7	3	7													**6.31**		1	3	TB Khá
12	1010130013	Phạm Thị Phương	Dung	5	5	5	6	7	8	5	6	5	6	6	4	4													**5.55**		2	7	TB
13	1010130014	Trần Thị Phương	Dung	6	5	5	7	7	6	5	6	6	6	7	2	5													**5.60**		1	3	TB
14	1010130015	Trần Thị Mỹ	Dung	5	4	7	6	7	6	5	6	8	6	6	3	5													**5.51**		2	6	TB
15	1010130016	Võ Ngọc Phương	Duy	9	7	9	6	7	6	8	7	7	8	7	8	8													**7.00**				Khá
16	1010130017	Trần Thị Hải	Duy	8	7	7	6	7	10	5	7	9	8	7	6	8													**7.14**				Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Pháp luật đại cương	Kế toán tài chính 1	Kiểm toán	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Kế toán chi phí	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Thuế	Tin học kế toán	Tiếng anh chuyên ngành	Tài chính Doanh nghiệp													ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				2	3	2	6	3	4	1	3	3	3	3	3	4													40				
17	1010130018	Phạm Thị Mỹ	Duyên	6	5	7	7	7	7	5	8	7	7	6	7	7													6.60				TB Khá
18	1010130020	Dương Thị Thái	Hà	6	5	7	6	7	7	5	7	7	7	7	3	6													6.05		1	3	TB Khá
19	1010130021	Nguyễn Thị Liên	Hằng	8	8	7	7	7	7	8	7	7	6	8	7	6													6.88				TB Khá
20	1010130023	Lê Thị Mai	Hằng	6	6	7	6	7	8	6	7	7	6	7	3	6													6.01		1	3	TB Khá
21	1010130024	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	7	7	5	7	7	5	5	7	9	6	5	3	5													6.03		1	3	TB Khá
22	1010130025	Phan Thị Ái	Hậu	5	5	5	6	7	4	6	6	7	6	7	2	6													5.28		2	7	TB
23	1010130026	Dương Thị Thúy	Hiền	8	6	5	6	7	6	9	7	7	7	7	7	7													6.50				TB Khá
24	1010130027	Bùi Thị Thu	Hiền	7	8	4	6	7	5	7	6	6	6	7	3	5													5.71		2	5	TB
25	1010130028	Cao Thị	Hiền	6	7	5	6	6	6	5	6	8	6	7	2	5													5.65		2	5	TB
26	1010130029	Huỳnh Thị Thanh	Hiền	7	8	6	6	7	9	9	7	8	9	8	10	7													7.35				Khá
27	1010130030	Trần Cao	Hiển	5	6	6	7	7	7	5	6	7	6	8	4	6													6.08		1	3	TB Khá
28	1010130031	Lê Chung	Hiếu	7	7	6	6	7	10	5	7	6	8	8	7	6													6.72				TB Khá
29	1010130032	Nguyễn Thị Mỹ	Hoa	6	6	7	6	7	6	9	7	7	8	8	4	5													6.13		1	3	TB Khá
30	1010130033	Nguyễn Thị	Hòa	6	6	5	7	7	8	6	7	6	7	7	4	5													6.12		2	7	TB Khá
31	1010130034	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	7	6	6	8	7	7	5	6	8	8	8	7	7													6.88				TB Khá
32	1010130035	Ngô Thị Kim	Hồng	7	7	6	7	7	7	6	8	7	7	8	6	7													6.91				TB Khá
33	1010130036	Nguyễn Thị Hoa	Hồng	6	5	6	7	7	8	6	8	7	7	7	5	7													6.47				TB Khá
34	1010130037	Lê Thị	Huệ	7	8	7	7	7	8	9	7	8	8	8	7	6													7.12				Khá
35	1010130038	Nguyễn Thị	Huệ	5	7	5	6	6	6	9	6	5	6	1	1	2													4.63		3	10	Yếu
36	1010130039	Nguyễn Thị Quế	Hương	6	5	6	6	7	9	5	6	8	6	6	7	5													6.21				TB Khá
37	1010130040	Lã Thị	Hương	7	7	7	6	7	5	6	6	6	6	3	5	7													5.68		2	6	TB
38	1010130041	Võ Thị Thanh	Hương	7	7	6	6	7	8	6	6	7	7	7	7	6													6.51				TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Pháp luật đại cương	Kế toán tài chính 1	Kiểm toán	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Kế toán chi phí	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Thuế	Tin học kế toán	Tiếng anh chuyên ngành	Tài chính Doanh nghiệp													ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				2	3	2	6	3	4	1	3	3	3	3	3	4													40				
39	1010130042	Vũ Ngọc Khánh	Huyền	7	6	6	6	7	7	6	6	7	8	6	5	6													**6.14**		1	3	TB Khá
40	1010130043	Nguyễn Vũ	Khoa	6	6	5	7	7	7	7	6	7	8	5	5	6													**6.03**				TB Khá
41	1010130044	Võ Thị Thanh	Kiều	6	6	5	6	6	6	7	6	8	7	6	4	6													**5.86**		1	3	TB
42	1010130045	Trần Hạ Phương	Kiều	8	7	7	6	7	8	8	7	8	8	6	6	6													**6.65**				TB Khá
43	1010130047	Phạm Gia Hoàng	Lâm	6	5	6	6	7	7	5	6	8	7	6	6	6													**6.18**				TB Khá
44	1010130048	Ngô Thị Kim	Lan	5	6	6	7	7	6	8	6	7	6	4	5	6													**5.78**		1	3	TB
45	1010130049	Đào Thị Thu	Lan	8	6	7	7	7	7	7	6	8	7	8	9	9													**7.09**				Khá
46	1010130051	Hồ Thị	Lệ	7	5	6	6	7	7	9	6	7	6	8	5	6													**6.03**				TB Khá
47	1010130052	Trương Bạch	Liên	6	7	7	6	7	8	9	8	8	7	8	5	7													**6.73**				TB Khá
48	1010130053	Nguyễn Thị Thùy	Liễu	6	6	6	6	6	8	8	7	7	9	8	7	6													**6.58**				TB Khá
49	1010130054	Nguyễn Trúc	Linh	6	7	6	7	7	6	10	6	7	7	6	1	5													**5.71**		1	3	TB
50	1010130055	Nguyễn Thị Trúc	Linh	6	5	5	6	7	6	7	6	5	7	6	4	8													**5.79**		2	5	TB
51	1010130057	Hồ Thị Bích	Loan	7	5	5	6	7	6	5	6	7	6	7	3	6													**5.79**		1	3	TB
52	1010130058	Hồ Thị Kim	Loan	7	7	6	6	7	6	6	6	7	6	8	7	7													**6.41**				TB Khá
53	1010130059	Nguyễn Thị Kim	Ngoan	7	7	6	7	7	6	5	6	7	6	8	5	6													**6.29**				TB Khá
54	1010130060	Phan Hữu	Lộc	7	5	5	6	7	8	5	6	6	7	6	7	6													**6.12**				TB Khá
55	1010130061	Phan Thành	Luân	7	7	7	7	7	8	6	7	8	8	8	5	7													**6.87**				TB Khá
56	1010130062	Phạm Thị Trúc	Ly	9	8	7	7	7	7	5	7	7	8	8	7	8													**7.19**				Khá
57	1010130063	Ngô Thị Trúc	Ly	8	6	7	6	7	6	8	7	7	7	8	3	6													**6.10**		1	3	TB Khá
58	1010130064	Trần Thị Lệ	My	7	6	5	6	7	5	8	6	7	6	5	2	5													**5.41**		2	6	TB
59	1010130066	Trần Tuyết	Nga	7	6	6	6	7	7	5	7	6	7	8	6	6													**6.29**				TB Khá
60	1010130067	Nguyễn Thị Kim	Ngân	7	6	6	6	7	5	5	6	7	8	8	8	7													**6.42**				TB Khá

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		Tư tưởng HCM	Lý thuyết tài chính tiền tệ	Pháp luật đại cương	Kế toán tài chính 1	Kiểm toán	Anh văn cơ bản 3	Giáo dục thể chất 3	Kế toán chi phí	Đường lối cách mạng đảng cộng sản VN	Thuế	Tin học kế toán	Tiếng anh chuyên ngành	Tài chính Doanh nghiệp													ĐIỂM TBC	ĐIỂM RÈN LUYỆN	SỐ MÔN <5	ĐVHT KĐ	XL TBCHT
				2	3	2	6	3	4	1	3	3	3	3	3	4													40				
61	1010130068	La Thiên Hồng	Ngọc	6	6	6	6	7	5	5	6	7	6	4	5	5													5.38		2	6	TB
62	1010130069	Hà Thái Hoàng	Nhân	7	6	6	7	7	5	9	7	7	8	5	5	7													6.21		2	6	TB Khá
63	1010130070	Nguyễn Khánh	Nhi	6	5	6	6	7	7	9	6	6	6	6	5	6													5.79		1	3	TB
64	1010130071	Nguyễn Thị	Nhi	6	7	7	6	7	7	6	7	7	7	8	6	7													6.55				TB Khá
65	1010130072	Nguyễn Huỳnh	Như	6	6	5	7	7	6	7	7	6	6	5	5	6													5.86		1	3	TB
66	1010130073	Mai Lệ	Nhung	6	7	6	8	7	8	5	6	8	7	6	3	7													6.53		1	3	TB Khá
67	1010130074	Võ Thị Thanh	Nhung	7	6	6	7	7	7	9	6	9	9	8	4	7													6.71		1	3	TB Khá

Tổng danh sách này có:67 sinh viên

Xếp loại	SL	Tỷ lệ	Xếp loại	SL	Tỷ lệ
Xuất sắc	0	0.00	TB Khá	37	55
Giỏi	0	0.00	Trung bình	21	31
Khá	8	11.94	Yếu kém	1	1

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..../..../.....

Trưởng Phòng Đào Tạo **Người lập bảng**